

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC****1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP**

Tên sản phẩm : IMMOIL-F30CC

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : Evident Corporation

Địa chỉ : 6666 Inatomi, Tatsuno-machi, Kamiina-gun,
Nagano, Japan 399-0495

Điện thoại : +81-3-6901-4600

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp : +44-1865-407333 (Carechem24 tiếng Anh)

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : Sử dụng công nghiệp

Hạn chế khi sử dụng : Không áp dụng được

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Ăn mòn/kích ứng da : Cấp 3

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại : Cấp 2 (Tuyến thượng thận)

Nguy hại hô hấp : Cấp 1

Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H304 Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
 H316 Gây kích ứng da nhẹ.
 H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
 H373 Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Tuyến thượng thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
 H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa :

Biện pháp phòng ngừa:

P260 Không hít hơi sương hoặc hơi.
 P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
 P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
 P280 Đeo găng tay bảo hộ.

Biện pháp ứng phó:

P301 + P310 NẾU NUỐT PHẢI: Nhanh chóng gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.
 P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
 P314 Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế nếu cảm thấy không khỏe.
 P331 KHÔNG ĐƯỢC gây nôn.
 P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
 P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
 P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Được biết là chưa xảy ra.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC****Thành phần**

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
4-(1-Phenyletyl)-o-xylene	6196-95-8	≥ 13 -< 15
4-(1-Phenyletyl)-m-xylene	6165-52-2	≥ 10 -< 13
2-(1-Phenyletyl)-p-xylene	6165-51-1	≥ 5 -< 7
Etyl(phenyletyl)benzen	64800-83-5	≥ 5 -< 7

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.
Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu xuất hiện các triệu chứng.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Trong trường hợp bị chạm vào, ngay lập tức rửa sạch da bằng thật nhiều nước.
Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng,
Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng
- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Nếu nuốt phải, không được gây nôn.
Nếu xảy ra nôn ọe thì để người ngã về phía trước.
Gọi bác sĩ hoặc trung tâm chống độc ngay lập tức.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
- Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này : Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.
Gây kích ứng da nhẹ.
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Có thể gây tổn thương cho các cơ quan do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.
- Bảo vệ người sơ cứu : Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).
- Lưu ý đối với bác sĩ điều trị : Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy thích hợp : Bụi nước
Bọt chịu cồn.
Carbon đioxit (CO₂)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Hóa chất khô

- Các phương tiện chữa cháy : Được biết là chưa xảy ra.
không thích hợp
- Các nguy hiểm cụ thể khi : Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với
chữa cháy sức khỏe.
- Các chất độc được sinh ra : Carbon ôxit
khi bị cháy
- Các phương pháp cứu hỏa : Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa
cụ thể phương và môi trường xung quanh.
Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở.
Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực
đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm.
Sơ tán toàn bộ khu vực.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành : Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.
cho lính cứu hỏa Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
trình ứng phó sự cố Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến
nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
- Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm
này an toàn.
Ngăn ngừa sự lan toả trên diện rộng (ví dụ bằng cách chứa
lại hoặc bằng các phao ngăn dầu).
Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn.
Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy
ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh : Hút khô bằng các vật liệu hút nước trơ.
sau khi xảy ra sự cố Đối với các vụ việc tràn đổ lớn, cần đắp đê bao hoặc cung
cấp các vật liệu ngăn chặn thích hợp để giữ cho chất tràn đổ
không bị lan rộng. Nếu chất tràn đổ có thể bơm được, lưu giữ
chất thu lại được trong các thùng chứa thích hợp.
Dọn sạch các chất còn đọng lại do tràn đổ bằng chất thấm hút
thích hợp.
Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp
dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng.

Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

Các biện pháp kỹ thuật	: Xem Các biện pháp kỹ thuật dưới phần KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/BẢO VỆ CÁ NHÂN.
Thông gió cục bộ/toàn bộ	: Chỉ sử dụng khi có đủ sự thông gió.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm	: Không để lên da hoặc quần áo. Không hít hơi sương hoặc hơi. Không được nuốt. Tránh tiếp xúc với mắt. Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc. Đóng chặt thùng chứa. Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.
Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản	: Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng. Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ. Đóng kín. Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.
Các chất cần tránh bảo quản chung	: Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây: Các chất oxy hóa mạnh

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN**Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc**

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp	: Đảm bảo có sự thông gió đầy đủ, đặc biệt tại những nơi kín. Giảm thiểu mức độ phơi nhiễm tại nơi làm việc.
---	---

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp	: Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.
---------------	--

Bộ lọc loại	: Loại hơi hữu cơ
-------------	-------------------

Bảo vệ tay

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Vật liệu	: Găng tay chống hóa chất
Ghi chú	: Việc chọn găng tay bảo vệ khỏi hoá chất phụ thuộc vào nồng độ và số lượng các chất nguy hại và phụ thuộc vào nơi làm việc Thời gian để sản phẩm thấm xuyên qua găng tay chưa xác định được. Thường xuyên thay găng tay. Đối với các ứng dụng đặc biệt, chúng tôi khuyến cáo nên liên lạc với nhà sản xuất nhằm xác minh tính chống chịu với hoá chất của các loại găng tay kể trên. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.
Bảo vệ mắt	: Mặc những thiết bị bảo hộ cá nhân sau: Kính bảo hộ
Bảo vệ da và cơ thể	: Chọn quần áo bảo hộ thích hợp dựa vào dữ liệu về khả năng chịu được hóa chất và đánh giá nguy cơ phơi nhiễm nội bộ. Cần tránh tiếp xúc với da bằng việc sử dụng quần áo bảo hộ không thấm (găng tay, ủng, tạp rề ,vv...)
Các biện pháp vệ sinh	: Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc. Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng. Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc. Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	: thể lỏng
Màu sắc	: không màu
Mùi đặc trưng	: chưa có dữ liệu
Ngưỡng mùi	: chưa có dữ liệu
Độ pH	: chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	: chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	: < 200 °C
Điểm cháy	: 134 °C

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Phương pháp: Cốc kín Cleveland

Tỷ lệ hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Không áp dụng được
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Dễ cháy (xem điểm chớp cháy)
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	chưa có dữ liệu
Tỷ trọng hơi tương đối	:	< 1,0
Tỷ trọng tương đối	:	0,9169 (15 °C)
Khối lượng riêng	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	không tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt Độ nhớt, động học	:	chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Đặc điểm hạt Kích thước hạt	:	Không áp dụng được

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Phản ứng nguy hiểm	: Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	: Được biết là chưa xảy ra.
Vật liệu không tương thích	: Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	: Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	: Hít phải Tiếp xúc với da Ăn uống Tiếp xúc với mắt
----------------	--

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Độc tính cấp theo đường miệng	: Ước lượng độc tính cấp: > 5.000 mg/kg Phương pháp: Phương pháp tính toán
-------------------------------	---

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 2.000 - 5.000 mg/kg Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
-------------------------------	---

Độc tính cấp qua da	: LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
---------------------	---

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 2.000 - 5.000 mg/kg Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
-------------------------------	---

Độc tính cấp qua da	: LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
---------------------	---

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
-------------------------------	---

Etyl(phenyletyl)benzen:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 1.000 mg/kg
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2.000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ăn mòn/kích ứng da

Gây kích ứng da nhẹ.

Thành phần:**Etyl(phenyletyl)benzen:**

Loài : Thỏ
Kết quả : Kích ứng da
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Etyl(phenyletyl)benzen:

Loài : Thỏ
Kết quả : Không gây kích ứng mắt
Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Kích thích hô hấp hoặc da**Nhạy cảm với da**

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Sản phẩm:

Loài : Chuột lang
Phương pháp : Thử nghiệm Buehler
Kết quả : Âm tính

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

- : Chuột lang
- : Thử nghiệm cực đại
- : Sản phẩm này là chất gây kích thích da, phân nhóm 1A.

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

- Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm Buehler
- Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
- Loài : Chuột lang
- Kết quả : Âm tính
- Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

- Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm Buehler
- Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
- Loài : Chuột lang
- Kết quả : Âm tính
- Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Etyl(phenyletyl)benzen:

- Loại kiểm nghiệm : Thử nghiệm hạch bạch huyết cục bộ (LLNA)
- Đường tiếp xúc : Tiếp xúc với da
- Loài : Chuột nhắt
- Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 429
- Kết quả : Âm tính
- Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

- Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
- Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
Kết quả: Âm tính
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

2-(1-Phenylethyl)-p-xylene:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 471
 Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 473
 Kết quả: Âm tính

Ethyl(phenylethyl)benzen:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES)
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**4-(1-Phenylethyl)-o-xylene:**

Loài : Chuột
 Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
 Thời gian phơi nhiễm : 24 Tháng
 Kết quả : Âm tính
 Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC****4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:**

Loài : Chuột
 Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
 Thời gian phơi nhiễm : 24 Tháng
 Kết quả : Âm tính
 Ghi chú : Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính sinh sản

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
 Loài: Chuột
 Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
 Loài: Chuột
 Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
 Loài: Chuột
 Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển
 Loài: Chuột
 Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422
 Kết quả: Âm tính
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

sinh sản	xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422 Kết quả: Âm tính
Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai	: Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422 Kết quả: Âm tính
Etyl(phenyletyl)benzen:	
Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản	: Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính liều lặp lại kết hợp với xét nghiệm sàng lọc độc tính sinh sản/phát triển Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422 Kết quả: Âm tính Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự
Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai	: Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Nuốt phải Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 414 Kết quả: Âm tính Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (Tuyến thượng thận) do phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

Thành phần:**2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:**

Đường tiếp xúc	: Nuốt phải
Các cơ quan đích	: Tuyến thượng thận
Đánh giá	: Có bằng chứng cho thấy gây ra những ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe động vật tại nồng độ >10 đến 100 mg/kg trọng lượng cơ thể.

Lượng độc lặp lại**Thành phần:****2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:**

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Loài : Chuột, con đực
 LOAEL : 12,5 mg/kg
 Lộ trình ứng dụng : Nuốt phải
 Thời gian phơi nhiễm : 47 Days
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 422

Độc tính hô hấp

Có thể chết nếu nuốt hoặc hít phải.

Thành phần:**4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Chất hoặc hỗn hợp được biết là gây ra các nguy cơ độc hô hấp cho con người hoặc đã được cho là như vậy nếu nó gây ra một nguy cơ độc hô hấp cho con người.

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Chất hoặc hỗn hợp được biết là gây ra các nguy cơ độc hô hấp cho con người hoặc đã được cho là như vậy nếu nó gây ra một nguy cơ độc hô hấp cho con người.

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Chất hoặc hỗn hợp được biết là gây ra các nguy cơ độc hô hấp cho con người hoặc đã được cho là như vậy nếu nó gây ra một nguy cơ độc hô hấp cho con người.

Etyl(phenyletyl)benzen:

Chất hoặc hỗn hợp được biết là gây ra các nguy cơ độc hô hấp cho con người hoặc đã được cho là như vậy nếu nó gây ra một nguy cơ độc hô hấp cho con người.

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Thành phần:****4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 0,56 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 96 h
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,1 - 1 mg/l
 và các động vật không : Thời gian phơi nhiễm: 48 h
 xương sống thủy sinh khác : Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
 Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1
đối với môi trường thủy sinh)

Nhân tố M (Nguy hại mãn : 1

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

tính đối với môi trường thủy sinh)

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Độc đối với cá : LC50 (Oncorhynchus mykiss (cá hồi cầu vồng)): > 0,56 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Độc đối với cá : LC50 (Oryzias latipes (Cá nhỏ màu vàng đỏ)): 0,31 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,25 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật dưới nước : ErC50 (Selenastrum capricornutum (tảo nước ngọt)): > 1,54 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

NOEC (Selenastrum capricornutum (tảo nước ngọt)): 0,73 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 201

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính : 1
đối với môi trường thủy sinh)

Độc đối với cá (Tính độc mãn tính) : NOEC (Oryzias latipes (biết đến với cá mòi Nhật Bản)): 0,034 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 40 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 210

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0,009 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 d

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 10

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Etyl(phenyletyl)benzen:

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): > 0,1 - 1 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Chất thử: Thử nghiệm Mẫu Hòa tan trong Nước của Chất đa thành phần (WAF)
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Nhân tố M (Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh) : 1

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 100 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy**Thành phần:****4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân huỷ sinh học.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC****4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:**

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 0 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 301C

Etyl(phenyletyl)benzen:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Khả năng tích lũy sinh học**Thành phần:****4-(1-Phenyletyl)-o-xylene:**

Tính tích lũy sinh học : Loài: Cyprinus carpio (cá chép)
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): > 500
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 305
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 4
Ghi chú: Tính toán

4-(1-Phenyletyl)-m-xylene:

Tính tích lũy sinh học : Loài: Cyprinus carpio (cá chép)
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): > 500
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 305
Ghi chú: Dựa trên dữ liệu từ các vật liệu tương tự

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 4
Ghi chú: Tính toán

2-(1-Phenyletyl)-p-xylene:

Tính tích lũy sinh học : Loài: Cyprinus carpio (cá chép)
Yếu tố nồng độ sinh học (BCF): 620 - 760
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 305

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 5,39
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 107

Etyl(phenyletyl)benzen:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: > 4
Ghi chú: Tính toán

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC****Độ linh động trong đất**

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải

Loại bỏ theo quy định của địa phương

Bao bì nhiễm độc : Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ

Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN**Quy định Quốc tế****UNRTDG**

Số hiệu UN : UN 3082

Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.
(2-(1-Phenylethyl)-p-xylene, 4-(1-Phenylethyl)-o-xylene)

Hạng : 9

Nhóm hàng : III

Nhãn : 9

Nguy hại với môi trường : có

IATA-DGR

Số UN/ID : UN 3082

Tên vận chuyển thích hợp : Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s.
(2-(1-Phenylethyl)-p-xylene, 4-(1-Phenylethyl)-o-xylene)

Hạng : 9

Nhóm hàng : III

Nhãn : Miscellaneous

Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay) : 964

Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay) : 964

Nguy hại với môi trường : có

Mã IMDG

Số hiệu UN : UN 3082

Tên vận chuyển thích hợp : ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, LIQUID, N.O.S.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT**IMMOIL-F30CC**

(2-(1-Phenylethyl)-p-xylene, 4-(1-Phenylethyl)-o-xylene)

Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9
Mã EmS	:	F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	:	có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT**Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất**

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/07/03
gần nhất

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn
lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu, <http://echa.europa.eu/>

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP - Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

IMMOIL-F30CC

và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR - (Định lượng) Mối quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI